

## BÁO CÁO

### Về việc tình hình thực hiện kế hoạch thu-chi Ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 và Kế hoạch giải pháp thực hiện dự toán thu - chi 6 tháng cuối năm 2018

Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 26/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua dự toán thu-chi ngân sách năm 2018.

UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện và đã đạt một số nhiệm vụ về thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 như sau:

#### I. Tình hình thực hiện kế hoạch thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2018

##### 1. Tình hình thực hiện dự toán thu Ngân sách huyện:

- Tổng thu ngân sách thực hiện 6 tháng đầu năm 2018: 195,38 tỷ đồng, đạt 65,55% Kế hoạch tỉnh, đạt 61,37% Kế hoạch huyện đề ra, so với cùng kỳ đạt 126,08%. Trong đó: thu tại địa bàn huyện (không tính kết dư, chuyển nguồn) đạt: 17,52 tỷ đồng, đạt 63,49% Kế hoạch tỉnh, đạt 36,58% Kế hoạch huyện đề ra, so với cùng kỳ đạt 164,51%.

- Nếu thu không tính tiền sử dụng đất: tổng thu Ngân sách thực hiện 6 tháng đầu năm 2018: 185,43 tỷ đồng, đạt 64,33 % Kế hoạch tỉnh, đạt 63,64% Kế hoạch huyện đề ra, so với cùng kỳ đạt 120,95%. Trong đó: Thu tại địa bàn huyện (không tính kết dư, chuyển nguồn) đạt: 7,57 tỷ đồng, đạt 42,55% Kế hoạch tỉnh, đạt 36,22% Kế hoạch huyện đề ra, so với cùng kỳ đạt 84,21%. (Có Biểu chi tiết số 1 kèm theo).

- Một số khoản thuế thu chưa đạt tiến độ HĐND huyện giao như: thu tiền sử dụng đất (36,85 % Nghị quyết HĐND), Lệ phí trước bạ (43,17% Nghị quyết HĐND), thuế TNCN (33,17% Nghị quyết HĐND), Thuế VAT-TNDN (33,38% Nghị quyết HĐND); thu khác về thuế (33,98% Nghị quyết HĐND). Các khoản thu thông qua Ngân sách (bán lâm sản tịch thu 28,15%).

##### \* Nguyên nhân một số khoản thuế thu chưa đạt tiến độ:

- **Nguyên nhân chủ quan:** một số khoản thuế thu chưa đạt trong 6 tháng đầu năm: huyện Chư Puh là vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp và trồng cây công nghiệp dài ngày chủ yếu tập trung vào hai loại cây trồng chủ lực là Hồ tiêu và Cà phê. Tuy nhiên, việc ảnh hưởng của hạn hán kéo dài xảy ra trên diện rộng từ

năm 2015 nên hầu hết các xã, thị trấn của huyện đã làm cho diện tích, năng suất Hồ tiêu và Cà phê bị giảm rất lớn, kéo theo làm giảm nguồn thu nhập của người dân. Thêm vào đó, giá nông sản giảm mạnh dẫn đến chỉ số tiêu dùng và đầu tư mua sắm trong chuyển nhượng đất đai và đấu giá quyền sử dụng đất giảm. Người dân tập trung vào tái cơ cấu đầu tư vào nông nghiệp và khắc phục diện tích bị hạn hán trong năm. Từ những nguyên nhân trên, dẫn đến nguồn thu ngân sách huyện gặp rất nhiều khó khăn trong thu thuế VAT, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ, phí và lệ phí, tiền chuyển quyền sử dụng đất và đấu giá đất để cân đối cho nhiệm vụ chi thường xuyên và đầu tư XDCB.

- **Nguyên nhân chủ quan:** năng lực quản lý thuế của các ngành chưa tốt còn để xảy ra hiện tượng trốn thuế; công tác thu xử lý nợ đọng thuế chưa kiên quyết; công tác xây dựng kế hoạch thu và bảo vệ kế hoạch thu không sát với thực tế địa phương.

## 2. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách các xã, thị trấn:

- UBND xã Ia Rong có số thu đạt 442 triệu đồng, đạt 45,1% Kế hoạch.  
*(Không tính tiền sử dụng đất: tổng thu trên địa bàn xã đạt 44,39% KH)*

- UBND xã Ia Blú có số thu đạt 208 triệu đồng, đạt 18,62% Kế hoạch.  
*(Không tính tiền sử dụng đất: tổng thu trên địa bàn xã đạt 17,5% KH)*

- UBND xã Ia Hla có số thu đạt 353 triệu đồng, đạt 41,33% Kế hoạch.  
*(Không tính tiền sử dụng đất: tổng thu trên địa bàn xã đạt 40,67% KH)*

- UBND xã Ia Dreng có số thu đạt 355 triệu đồng, đạt 40,71% Kế hoạch.  
*(Không tính tiền sử dụng đất: tổng thu trên địa bàn xã đạt 41,92% KH)*

- UBND Ia Hrú có số thu đạt 536 triệu đồng, đạt 29,63% Kế hoạch.  
*(Không tính tiền sử dụng đất: tổng thu trên địa bàn xã đạt 34,82% KH)*

- UBND xã Ia Le có số thu đạt 791 triệu đồng, đạt 38,68% Kế hoạch.  
*(Không tính tiền sử dụng đất: tổng thu trên địa bàn xã đạt 36,05% KH)*

- UBND xã Ia Phang có số thu đạt 462 triệu đồng, đạt 33,33% Kế hoạch.  
*(Không tính tiền sử dụng đất: tổng thu trên địa bàn xã đạt 36,52% KH)*

- UBND xã Chu Don có số thu đạt 127 triệu đồng, đạt 42,76% Kế hoạch.  
*(Không tính tiền sử dụng đất: tổng thu trên địa bàn xã đạt 52,33% KH)*

- UBND thị trấn Nhơn Hòa có số thu (không bao gồm tiền đấu giá đất) đạt 1,838 tỷ đồng, đạt 51,01% Kế hoạch.  
*(Không tính tiền sử dụng đất: tổng thu trên địa bàn thị trấn đạt 39,6% KH)*

Nhìn chung thu trong cân đối của các xã, thị trấn nếu không tính thu tiền sử dụng đất đều chưa đạt so với tiến độ đề ra. *(Có Biểu chi tiết số 2 đính kèm)*

### **3. Về chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2018**

Nhìn chung các nhiệm vụ chi, các chương trình mục tiêu huyện triển khai ngay từ đầu năm nên đảm bảo đạt tiến độ đề ra. Tổng chi ngân sách 6 tháng thực hiện: 147,92 tỷ đồng, đạt 49,94% Kế hoạch tỉnh giao, đạt 46,56% Kế hoạch huyện giao. Trong đó chi xây dựng cơ bản 16,18 tỷ đồng, đạt 74,45 % Kế hoạch tỉnh, đạt 41,56% Kế hoạch huyện giao. Chi thường xuyên 126,43 tỷ đồng, đạt 47,55% Kế hoạch tỉnh, đạt 47,52% Kế hoạch huyện giao. Nhìn chung nhiệm vụ chi cơ bản đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ hoạt động của các đơn vị và các xã, thị trấn trên địa bàn.

*(Có Biểu chi tiết số 3 kèm theo)*

## **II. Kế hoạch giải pháp thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2018**

### **1. Về thu ngân sách:**

Tổng số thu còn phải thực hiện 6 tháng cuối năm là 122,99 tỷ đồng; Trong đó: thu tại địa bàn là 30,38 tỷ đồng *(Có Biểu chi tiết số 4 kèm theo)*.

Để thực hiện hoàn thành kế hoạch thu được giao. Các giải pháp, nhiệm vụ thu vào 6 tháng cuối năm như sau:

- Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng những khu đất đã được quy hoạch khu dân cư và đất thương mại dịch vụ như: Chợ trung tâm thị trấn Nhơn Hòa. Và triển khai quy hoạch chi tiết các Khu đất dịch vụ thương mại thôn Ia Bia, Khu dân cư phía Bắc trường THPT Nguyễn Thái Học tại xã Ia Le để tổ chức đấu giá đất kịp thời trong năm đúng kế hoạch giao.

- Tập trung đối thoại các Doanh nghiệp, hộ cá thể còn nợ đọng thuế để tháo gỡ khó khăn và có giải pháp thu hồi nợ thuế.

- Rà soát các khoản thuế chuyển quyền sử dụng đất cho nợ đến nay, đã đến hạn thu nộp vào ngân sách.

- Chi cục thuế tổ chức thu các khoản thuế mà Kiểm toán Nhà nước phát hiện ngành thuế chưa thu đúng, đủ của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn huyện. Rà soát các khoản còn nợ thuế của hộ kinh doanh thông báo cho các xã, thị trấn để phối hợp tổ chức thu nộp về cho Ngân sách. Thành lập đội chống thất thu thuế của Chi cục thuế, lập kế hoạch xuống các doanh nghiệp để đôn đốc thu hồi thuế. Tổ chức điều chỉnh tăng thuế đối với các hộ có quy mô kinh doanh lớn như: Ăn uống, Karaoke, phân bón; Tổ chức cưỡng chế thuế các hộ kinh doanh chây ì không thực hiện nghĩa vụ thuế.

- Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện bố trí cán bộ đẩy nhanh thủ tục hành chính về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp mới quyền sử dụng đất, cấp giấy quyền sử dụng đất để thu đạt và

vượt các khoản thu phí và lệ phí, thuế thu nhập các nhân và tiền chuyển sử dụng đất.

- Phòng Tài chính-KH huyện đẩy nhanh tiến độ trình phê duyệt giá đất để tổ chức đấu giá đất các khu đất dịch vụ thương mại và đất ở lâu dài khi đủ điều kiện đưa vào đấu giá. Đôn đốc Công an huyện, Hạt Kiểm lâm huyện khẩn trương bán tài sản tịch thu sung Công quỹ nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ, tư vấn, tuyên truyền người dân và doanh nghiệp trong việc tuân thủ Pháp luật về thuế để thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Đồng thời, xây dựng Kế hoạch cưỡng chế những hộ kinh doanh và doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

- Tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là trong lĩnh vực thuế theo đúng tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh.

**2. Về chi ngân sách:** Tổng chi ngân sách địa phương còn lại phải chi trong 6 tháng cuối năm là: 169,81 tỷ đồng.

**Trong đó:**

- |                          |                 |
|--------------------------|-----------------|
| - Chi đầu tư phát triển: | 22,75 tỷ đồng.  |
| - Chi thường xuyên:      | 141,26 tỷ đồng. |

(Có Biểu chi tiết số 5 kèm theo)

Để đảm bảo nhiệm vụ chi thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao. Các giải pháp, nhiệm vụ chi vào 6 tháng cuối năm 2018 như sau:

- Năm 2018, với tình hình thực hiện nhiệm vụ thu trong năm là hết sức khó khăn. UBND các xã, thị trấn và các đơn vị dự toán căn cứ vào dự toán đầu năm của đơn vị mình rà soát lại những khoản chi không cần thiết như tiếp khách, hội họp,... để điều chỉnh cho phù hợp với nhiệm vụ của đơn vị tránh tình trạng mất cân đối thu, chi vào vào cuối năm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục về thực hành TKCLP, kịp thời nêu gương tốt, việc tốt trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phê phán, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị theo Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006

của Chính phủ, Thông tư 71/2014/TTLT-BTC-BNV của Liên bộ Tài chính-Nội vụ ngày 30/5/2014 để góp phần tăng thu nhập cho cán bộ công chức.

- Tập trung giải phóng mặt bằng các công trình còn vướng mắc về bồi thường giải phóng mặt bằng. Tổ chức triển khai cho các đơn vị tư vấn giám sát và các Doanh nghiệp để có giải pháp tối ưu tháo gỡ khó khăn, đảm bảo tiến độ thi công xây dựng công trình; Tăng cường công tác quản lý, tập trung chỉ đạo đôn đốc các đơn vị thi công, tư vấn giám sát, tận dụng tối đa thời gian đẩy nhanh tiến độ nhằm hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018; Kiên quyết xử lý, chấm dứt hợp đồng đối với các nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu, vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết, kiên quyết loại những nhà thầu không có năng lực hoặc đã vi phạm hợp đồng.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 và Kế hoạch giải pháp thực hiện dự toán thu - chi 6 tháng cuối năm 2018. UBND huyện báo cáo HĐND huyện Khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021 tại kỳ họp thứ Sáu được biết./.

*Noi nhận:*

- CT, các PCT HĐND-UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng Tài chính - KH huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Lê Quang Thái



**BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH THỰC HIỆN ĐẾN 30/6/2018**

(Không tính tiền sử dụng đất)

(Kèm theo Báo cáo số: 33/BC-UBND ngày 1 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: nghìn đồng

TT	Nội dung	KH TỈNH GIAO	KH HUYỆN GIAO	Thực hiện Lũy kế 6 tháng	SSKH tỉnh đến 30/6/ 2018	SSKH huyện đến 30/6/ 2018	Số thực hiện 30/6/17	So sánh cùng kỳ
	<b>Tổng thu ngân sách</b>	<b>288.267.000</b>	<b>291.377.000</b>	<b>185.436.908</b>	<b>64,33</b>	<b>63,64</b>	<b>153.314.159</b>	<b>120,95</b>
I	<b>Thu tại địa bàn</b>	<b>17.800.000</b>	<b>20.910.000</b>	<b>7.574.048</b>	<b>42,55</b>	<b>36,22</b>	<b>8.994.159</b>	<b>84,21</b>
I	<b>Thu trong cân đối</b>	<b>17.800.000</b>	<b>20.260.000</b>	<b>7.391.101</b>	<b>41,52</b>	<b>36,48</b>	<b>8.901.911</b>	<b>83,03</b>
	Trong đó: Chi cục thuế thu	15.200.000	16.850.000	6.126.549	40,31	36,36	7.584.572	80,78
1.1	Thu từ khu vực CTN NQD	5.700.000	6.750.000	2.236.562	39,24	33,13	3.015.139	74,18
-	Thuế VAT và TNDN	5.150.000	6.200.000	2.069.658	40,19	33,38	2.172.671	95,26
-	Thuế tài nguyên	310.000	310.000	97.145	31,34	31,34	220.773	44,00
-	Thu khác về thuế	200.000	200.000	67.959	33,98	33,98	600.005	11,33
-	Thuế môn bài							
-	Thuế TTĐB	40.000	40.000	1.800	4,50	4,50	21.690	8,30
1.2	Thuế SD đất NN(NQD)			18.539			23.490	78,92
1.1.3	Thuế nha đất phi nông nghiệp			119			630	18,89
1.4	Thu phí và lệ phí	1.400.000	1.650.000	667.706	47,69	40,47	1.065.048	62,69
1.5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	400.000	400.000	180.629	45,16	45,16	190.084	95,03
1.6	Thu tiền sử dụng đất							
1.7	Thu khác ngân sách	2.600.000	2.760.000	1.081.605	41,60	39,19	1.225.091	88,29
-	Xử phạt vi phạm HC và thu khác	1.400.000	1.460.000	279.675	19,98	19,16	440.691	63,46
-	Thu ND 36/CP	1.200.000	1.300.000	801.930	66,83	61,69	784.400	102,23
1.8	Lệ phí trước bạ	2.900.000	3.200.000	1.381.485	47,64	43,17	1.178.114	117,26
1.9	Thuế thu nhập cá nhân	4.800.000	5.500.000	1.824.456	38,01	33,17	2.204.315	82,77
1.10	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản							
2	<b>Các khoản thu thông qua ngân sách</b>		<b>650.000</b>	<b>182.947</b>		<b>28,15</b>	<b>92.248</b>	<b>198,32</b>
-	Tiền bán lâm sản tịch thu		650.000	182.947		28,15		
II	<b>Thu bổ sung ngân sách cấp trên</b>	<b>270.467.000</b>	<b>270.467.000</b>	<b>177.862.860</b>	<b>65,76</b>	<b>65,76</b>	<b>144.320.000</b>	<b>123,24</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH CÁC XÃ, THỊ TRẤN ĐẾN 30/6/2018**

(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 11/7/2018 của UBND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tình hình thu ngân sách các xã, thị trấn																												
		Thuế VAT, TNDN			Thué sd ĐNN			Thu khác về thuế			Tiêu thu đặc biệt			Thu nhập cá nhân			Lệ phí trước bạ			Phi, lệ phí, môn bài			Thu phạt ATGT			Thu khác và phạt			Tổng cộng	
		KH giao	Thực hiện	(%)	KH giao	Thực hiện	(%)	KH giao	Thực hiện	(%)	KH giao	Thực hiện	(%)	KH giao	Thực hiện	(%)	KH giao	Thực hiện	(%)	KH giao	Thực hiện	(%)	KH giao	Thực hiện	(%)	KH giao	Thực hiện	(%)	KH giao	Thực hiện
1	Xã Ia Ròng	100	42	42		6,00		15	-		380	170	44,74	87	31	35,63	35	27	77,14	23	11	47,83	20	6	30,00	660	293	44,39		
2	Xã Ia Blú	90	27	30				20	-		500	89	17,80	125	13	10,40	45	12	26,67	25	2	8	12		-	817	143	17,50		
3	Xã Ia Hla	30	6	20				20	1,00	5,00	450	190	42,22	105	37	35,24	28	16	57,14	15	11	73,333	6	5	83,33	654	266	40,67		
4	Xã Ia Dreng	36	54	150		9		10	-		330	105	31,82	80	17	21,25	44	26	59,09	20	4	20	12	8	66,67	532	223	41,92		
5	TT Nhơn Hòa	980	407	42		3		40	-	25	-	1.250	514	41,12	225	88	39,11	160	68	42,50	30	22	73,333	93	8	8,60	2.803	1.110	39,60	
6	Xã Ia Rú	230	75	33				20	-	10	1	10,00	780	277	35,51	171	58	33,92	100	43	43,00	26	12	46,154	27	9	33,33	1.364	475	34,82
7	Xã Ia Le	370	257	69		6		20	-	5	1	20,00	900	229	25,44	180	26	14,44	100	58	58,00	30	14	46,667	40	2	5,00	1.645	593	36,05
8	Xã Ia Phang	150	59	39		4		20	-		600	218	36,33	120	40	33,33	85	43	50,59	26	3	11,538	15	4	26,67	1.016	371	36,52		
9	Xã Chu Don	10	23	230				5	2	40,00			110	47,0	42,73	25	9	36,00	12	7	58,33	5	1	20	5	1	20,00	172	90	52,33
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>1.996</b>	<b>950</b>		<b>-</b>	<b>28</b>	<b>170</b>	<b>3</b>		<b>40</b>	<b>2</b>	<b>5.300</b>	<b>1.839</b>		<b>1.118</b>	<b>319</b>		<b>609</b>	<b>300</b>		<b>200</b>	<b>80</b>		<b>230</b>	<b>43</b>		<b>9.663</b>	<b>3.564</b>	<b>36,88</b>

**BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH ĐẾN NGÀY 30/6/2018**

(Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Puh)



STT	Nội dung	Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện đến 30/6/2018	SS KH tỉnh đến 30/6/2018 (%)	SS KH huyện đến 30/6/2018 (%)
<b>A</b>	<b>TỔNG CHI NS ĐP</b>	<b>296.217.000</b>	<b>317.733.918</b>	<b>147.923.906</b>	<b>49,94</b>	<b>46,56</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>21.740.000</b>	<b>38.940.000</b>	<b>16.184.641</b>	<b>74,45</b>	<b>41,56</b>
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>271.633.000</b>	<b>272.999.918</b>	<b>131.739.265</b>	<b>48,50</b>	<b>48,26</b>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	4.100.000	2.352.300	1.522.385	37,13	64,72
	<i>Sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi</i>		2.027.000	1.257.510		62,04
	<i>Sự nghiệp giao thông</i>		80.000	47.426		59,28
	<i>Sự nghiệp kinh tế khác</i>		245.300	217.449		88,65
2	Kiến thiết thị chính		3.610.000			-
3	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.750.000	7.231.000	4.168.021	111,15	57,64
4	Chi sự nghiệp khoa học CN	350.000	350.000		-	-
5	Chi SN giáo dục - ĐT	150.412.000	151.627.918	64.533.562	42,90	42,56
6	Chi Dân số-KHHGĐ		1.607.820	778.955		48,45
7	Chi sự nghiệp VHTT		1.503.600	669.857		44,55
8	Chi sự nghiệp TDTT		469.100	444.348		94,72
9	Đài truyền thanh Truyền hình		1.092.900	392.928		35,95
10	Chi quản lý hành chính		37.962.032	20.304.971		53,49
11	Chi an ninh		1.309.600	670.000		51,16
12	Chi quốc phòng		5.166.000	4.148.398		80,30
13	Chi đảm bảo xã hội	8.582.000	9.379.000	4.376.018	50,99	46,66
14	Chi các hội và các đơn vị hỗ trợ		2.127.866	1.767.591		83,07
15	Chi bổ sung ngân sách cấp xã	-	47.762.800	21.873.200		45,80
<b>IV</b>	<b>Kinh phí hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa</b>	<b>2.844.000</b>	<b>2.844.000</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu, quản lý qua ngân sách</b>	<b>-</b>	<b>2.950.000</b>			<b>-</b>

**BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH THỰC HIỆN ĐẾN 30/6/2018  
VÀ SỐ CÒN PHẢI THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018**

(Kèm theo Báo cáo số: 115/BC-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

TT	Nội dung	KH HUYỆN GIAO	Lũy kế thực hiện 6 tháng đầu năm	Số còn phải thực hiện 6 tháng cuối năm	Ghi chú
	<b>Tổng thu ngân sách</b>	<b>318.377.000</b>	<b>195.385.968</b>	<b>122.991.032</b>	
I	<b>Thu tại địa bàn</b>	<b>47.910.000</b>	<b>17.523.108</b>	<b>30.386.892</b>	
I	<b>Thu trong cân đối</b>	<b>47.260.000</b>	<b>17.340.161</b>	<b>29.919.839</b>	
	<i>Trong đó: Chi cục thuế thu</i>	<i>16.850.000</i>	<i>6.126.549</i>	<i>10.723.451</i>	
1.1	Thu từ khu vực CTN NQD	6.750.000	2.236.562	4.513.438	
-	Thuế VAT và TNDN	6.200.000	2.069.658	4.130.342	
-	Thuế tài nguyên	310.000	97.145	212.855	
-	Thu khác về thuế	200.000	67.959	132.041	
-	Thuế môn bài			-	
-	Thuế TTĐB	40.000	1.800	38.200	
1.2	Thuế SD đất NN(NQD)		18.539	(18.539)	
1.1.3	Thuế nhà đất phi nông nghiệp		119	(119)	
1.4	Thu phí và lệ phí	1.650.000	667.706	982.294	
1.5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	400.000	180.629	219.371	
1.6	Thu tiền sử dụng đất	27.000.000	9.949.060	17.050.940	
1.7	Thu khác ngân sách	2.760.000	1.081.605	1.678.395	
-	Xử phạt vi phạm HC và thu khác	1.460.000	279.675	1.180.325	
-	Thu ND 36/CP	1.300.000	801.930	498.070	
1.8	Lệ phí trước bạ	3.200.000	1.381.485	1.818.515	
1.9	Thuế thu nhập cá nhân	5.500.000	1.824.456	3.675.544	
1.10	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản			-	
2	<b>Các khoản thu thông qua ngân sách</b>	<b>650.000</b>	<b>182.947</b>	<b>467.053</b>	
-	Tiền bán lâm sản tịch thu	650.000	182.947	467.053	
-	Thu học phí			-	
II	<b>Thu bổ sung ngân sách cấp trên</b>	<b>270.467.000</b>	<b>177.862.860</b>	<b>92.604.140</b>	

**BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH ĐẾN NGÀY 30/6/2018  
VÀ DỰ TOÁN CÒN LẠI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018**  
(Kèm theo báo cáo số: 238/BC-UBND ngày 11 tháng 1 năm 2018 của UBND huyện Chư Púh)

STT	Nội dung	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện đến 30/6/2018	Dự toán còn lại 6 tháng cuối năm 2018	Cụ thể
<b>A</b>	<b>TỔNG CHI NS ĐP</b>	<b>317.733.918</b>	<b>147.923.906</b>	<b>169.810.012</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>38.940.000</b>	<b>16.184.641</b>	<b>22.755.359</b>	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>272.999.918</b>	<b>131.739.265</b>	<b>141.260.653</b>	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	2.352.300	1.522.385	829.915	
	Sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi	2.027.000	1.257.510	769.490	
	Sự nghiệp giao thông	80.000	47.426	32.574	
	Sự nghiệp kinh tế khác	245.300	217.449	27.851	
2	Kiến thiết thị chính	3.610.000		3.610.000	
3	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	7.231.000	4.168.021	3.062.979	Chi công tác bảo vệ môi trường; Chi hoạt động của BQL công trình đô thị và VSMT huyện
4	Chi sự nghiệp khoa học CN	350.000		350.000	
5	Chi SN giáo dục - ĐT	151.627.918	64.533.562	87.094.356	Chi lương, các khoản có tính chất lương, Bảo hiểm...; Chi phụ cấp, trợ cấp, chi chương trình mục tiêu về giáo dục; Chi đào tạo cán bộ; Chi mua sắm trang thiết bị dạy học; Chi tăng cường cơ sở vật chất trường học; Chi cải cách tiền lương...
6	Chi Dân số-KHHGĐ	1.607.820	778.955	828.865	Chi phụ cấp cộng tác viên dân số; Chi hỗ trợ quản lý dân số; Chi tuyên truyền, chi hỗ trợ phụ nữ người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách; Chi tập huấn chuyên môn; Chi tổ chức chăm sóc sức khỏe; Chi hỗ trợ đề án mất cân bằng giới...
7	Chi sự nghiệp VHTT	1.503.600	669.857	833.743	Chi con người; Chi tuyên truyền lưu động; Chi hội thi tổ chức văn hóa; Chi hiện vật để bảo tồn bản sắc văn hóa; Chi mua cồng chiêng

8	Chi sự nghiệp TDTT	469.100	444.348	24.752	Chi Olimpic sức khỏe toàn dân; Chi bóng đá thi đấu; Chi Đại hội TDTT...
9	Đài truyền thanh Truyền hình	1.092.900	392.928	699.972	Chi công tác tác nghiệp; Chi mua sắm tài sản...
10	Chi quản lý hành chính	37.962.032	20.304.971	17.657.061	Chi lương, phụ cấp, Bảo hiểm...của cán bộ, công chức khối QLNN; Chi Kỳ họp, cuộc họp, hội nghị, chi đặc thù, chi tập huấn chuyên đề...của HĐND huyện
11	Chi an ninh	1.309.600	670.000	639.600	Chi bảo vệ an ninh tổ quốc; Chi phòng chống tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy; Chi đảm bảo an toàn giao thông; Chi bóc gỡ tấn công, trấn áp tội phạm; Chi tranh thủ tiếp xúc người có uy tín trong DTTS; Chi các BCĐ phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; Chi thu gom vật liệu; Chi tập huấn lực lượng cốt cán...
12	Chi quốc phòng	5.166.000	4.148.398	1.017.602	Chi huấn luyện; Chi hậu cần tại chỗ; Chi thực hiện chính sách hậu phương quân đội; Chi huấn luyện dân quân; Chi tuần tra kiểm soát địa bàn; Chi dân quân thường trực...
13	Chi đảm bảo xã hội	9.379.000	4.376.018	5.002.982	Chi các đối tượng bảo trợ xã hội; Chi công tác BTXH khác; Chi tập huấn cho xã, thôn làng về chính sách BTXH,...
14	Chi các hội và các đơn vị hỗ trợ	2.127.866	1.767.591	360.275	
15	Chi bổ sung ngân sách cấp xã	47.762.800	21.873.200	25.889.600	
<b>III</b>	<b>Kinh phí hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa</b>	<b>2.844.000</b>		<b>2.844.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu, quản lý qua ngân sách</b>	<b>2.950.000</b>		<b>2.950.000</b>	